TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2020
V/v Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Đinh Thị Thu Huyền
Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Trần Hữu Thọ
2. Ông Nguyễn Đức Khởi

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Khanh - cán bộ Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đinh Tiến Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2020/ TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc: "Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Lệ H, Sinh năm 1982;
Địa chỉ: Khu 9, xã Quang H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Trần Thế V, Sinh năm 1981;
Địa chỉ: tổ 7, thôn B, xã C, huyện C, tỉnh K.

(Chị H, anh V đề nghị xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Trongđơn khởi kiện ngày 11/5/2020 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Mai Thị Lệ H trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Thế V ngày 13/12/2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh K. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị H xác nhận chị và anh V có 01 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 02/6/2005 hiện nay đang ở cùng anh V. Khi ly hôn chị H đồng ý để anh V được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, chị không cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh V tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, cho vay, công sức: Chị H xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2, Bị đơn anh Trần Thế V, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng anh V không đến Tòa án làm việc. Ngày 15/6/2020 chị H có đơn đề nghị trình bày do vợ chồng mâu thuẫn nên anh V đã bỏ về huyện C, tỉnh K ở. Ngày 12/8/2020 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 46/2020/QĐ - UTTA yêu cầu Tòa án nhân dân huyện huyện C, tỉnh Klấy lời khai của anh V. Ngày 28/8/2020 Tòa án nhân dân huyện huyện C, tỉnh Kđã lấy lời khai của anh V, anh V đã thể hiện quan điểm: Anh và chị H có tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn, nay chị H xin ly hôn anh nhất trí. Vợ chồng anh có một con chung là Trần Gia H, sinh ngày 02/6/2005 hiện nay đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh xin nuôi cháu H và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung thì anh và chị H đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có. Anh V trình bày hiện nay anh đã chuyển hộ khẩu về thôn B, xã C, huyện C , tỉnh Knhưng anh nhất trí để Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh. Anh đề nghị Tòa án huyện Tam Nông giải quyết xét xử vụ án vắng mặt anh.

3, Nguyện vọng của cháu cháu Trần Gia H đề nghị nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin đ- ợc ở với bố.

4, Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Qngày 09/9/2020 thấy rằng: Sau khi chị H kết hôn cùng anh V thì anh chị về chung sống cùng nhau và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 9, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Cuộc sống vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh V, chị H có một con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 02/6/2005 hiện nay đang ở cùng anh V. Hiện nay anh Vinh đã chuyển hộ khẩu về thôn Bắc Vĩnh, xã C, huyện C, tỉnh K. Chị H làm đơn xin ly hôn anh V đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của anh chị.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5, điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Xử: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Lệ H và anh Trần Thế V.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Trần Gia H, sinh ngày 02/6/2005 cho anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh V tự nguyện không yêu cầu. Chị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: chị Mai Thị Lệ H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được công khai tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Trần Thế V hiện nay có hộ khẩu thường trú tại tổ 7, thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Knhưng đã có quan điểm nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ giải quyết việc ly hôn theo đơn khởi kiện của chị Mai Thị Lệ H. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm b, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

[1.3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị H, anh V đều xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, □iều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh V là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã C, huyện C, tỉnh Kcho đăng ký kết hôn ngày 13/12/2004. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Vinh được tự nguyện tìm hiểu nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh V. Phía anh Vinh xác nhận anh và chị Huyền có tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn, nay chị Huyền xin ly hôn anh nhất trí. Vì vậy, cần xử cho chị Huyền được ly hôn anh Vinh là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh V xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 02/6/2005 hiện nay đang ở cùng anh V. Khi ly hôn anh V xin được nuôi cháu H, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị H đồng ý theo ý kiến của anh V. Nguyện vọng của cháu Trần Gia H đề nghị nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin đ- ợc ở với bố. Xét yêu cầu của anh, chị về việc thỏa thuận giao con chung và thoả thuận không phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh V đều không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ, cho vay, công sức: Chị H và anh V xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐINH

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1, □iều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5, điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1, Xử: Cho chị Mai Thị Lệ H được ly hôn anh Trần Thế V.

2, Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Trần Gia H, sinh ngày 02/6/2005 cho anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh Vinh tự nguyện không yêu cầu. Chị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3, Về tài sản chung: Chị H và anh V không yêu cầu Toà án giải quyết.

4, Về nợ, cho vay, công sức: Chị H và anh V xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

5, Về án phí: Chị Mai Thị Lệ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002589 ngày 13/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền

Nơi nhận:
- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- UBND xã Cam Hải Tây.
- Lưu HS - VP